TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/DS-ST.
Ngày: 30/09/2020.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Y Nik Êban.
2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 1 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 08 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37a/2020/QĐST – DS, ngày 14/9/2020, Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S (tức Nguyễn Văn S)
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như H.
Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N.
Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Như H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn S có cho ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N vay các lần tiền cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào ngày 01/8/2019 cho ông Phạm Văn Đ bà bà Nguyễn Thị N vay với số tiền 15.000.000 đồng. thời hạn trả nợ là vào ngày 01/10/2019, vay không lãi suất.
- Lần thứ 2: Vào ngày 09/9/2019 cho ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N vay với số tiền 51.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 01/12/2019, vay không lãi suất.

Khi vay các bên có lập giấy tờ vay viết tay với nhau, ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có ký tên vào trong các giấy tờ vay. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ của hai

khoản vay ông Đ và bà N không trả cho ông S như đã thỏa thuận, để bảo vệ quyền lợi của ông S, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả cho ông S (tức S) số tiền của hai khoản vay là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án tôi có nộp 4.320.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, làm cơ sở cho Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết vụ án. Do vậy, tôi yêu cầu ông Đ và bà N trả lại cho ông S số tiền này.

Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, Kết luận giám định chữ ký chữ viết, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N đến Tòa án làm việc, nhưng Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tổ chức mà không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên Tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N, ông Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Kết luận giám định chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã xác định được bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có vay của ông S (tức S) số tiền 66.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn S (tức Nguyễn Văn S) số tiền 66.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với chi phí giám định, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự, Kết luận giám định, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (tức: S), Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 35, Khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vắng mặt không có lý do vậy Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà N và ông Đ là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 66.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã xác minh ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án tiến hành niêm yết, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N không đến Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật mà vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà Đ, ông N đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào "giấy vay ngày 01/8/2019", "giấy vay tiền ngày 09/09/2019" do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ khác do Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thu thập được nên vào ngày 14/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N tại giấy vay ngày 01/8/2019 (A2) giấy vay tiền ngày 09/09/2019 (ký hiệu A1) và các mẫu so sánh bao gồm : 01 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Phước Thành công chứng vào ngày 13/9/2019 có mẫu chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N (ký hiệu M1)

Tại bản kết luận giám định số 134/PC09 ngày 26/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N tại tài liệu so sánh kí hiệu M1 là do ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N ký và viết ra. Do đó, đã đủ căn cứ chứng minh ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có vay của ông Nguyễn Văn S (Tức: S) số tiền 66.000.000 đồng việc giao kết hợp đồng của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của xã hội, tại thời điểm ký kết các bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, trong đó vào ngày 01/8/2019 ông Đào bà Ngừng vay số tiền 15.000.000 đồng và ngày 09/09/2019 vay số tiền là 51.000.000 là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Trong giấy vay tiền ngày 01/8/2019 xác định thời hạn trả nợ là ngày 01/10/2019 và giấy vay tiền ngày 09/9/2019 xác định thời hạn trả nợ là vào ngày 01/12/2019 bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 66.000.000 đồng. vì vậy ông Đ bà bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

Tại các điều luật trên quy định:

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Điều 470. Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

Đối chiếu với quy định trên cần buộc ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền đã vay là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chi phí giám định hết 4.320.000 đồng để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (Tức Nguyễn Văn S)

Buộc ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S (Tức: Nguyễn Văn S) số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn S (Tức: Nguyễn Văn S) số tiền 4.320.000 đồng chi phí giám định.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. (Theo mức 66.000.000 đồng x 5%)

Trả lại cho ông Nguyễn Văn S (tức: Nguyễn Văn S) số tiền tạm ứng án phí 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm lăm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006013, ngày 10/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc